

Bản án số: 603/2023/DS-PT
Ngày: 25-5-2023
V/v “Đòi tài sản”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Hồng Giảng

Các Thẩm phán:

Bà Nguyễn Thị Huyền

Bà Nguyễn Thị Minh Phượng.

Thư ký phiên tòa: Bà Trương Nguyễn Thu Trang – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Thúy Ái – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 28 tháng 4 và 25 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 77/DSPT ngày 15 tháng 02 năm 2023 về việc “Đòi tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 3901/2022/DS-ST ngày 30-9-2022 của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1151/QĐXXPT-DS ngày 16 tháng 3 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Hồ Thị S, sinh năm 1956. (có mặt)

Địa chỉ: Căn hộ 1 Cao ốc A, đường số 8, khu phố 1, phường A, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Ông Bạch Hưng H, sinh năm 1957. (có mặt)

Địa chỉ thường trú: Căn hộ 5 Chung cư L, khu phố 12, phường A, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ liên lạc: Tổ 7A, ấp T, xã P, huyện Đ, tỉnh B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 11 tháng 7 năm 2019, nguyên đơn bà Hồ Thị S trình bày:

Từ ngày 26/8/2010 đến tháng 3/2011, bà S đã cho ông Bạch Hưng H vay số tiền 7.720.000.000 đồng, không có lãi. Đến ngày 16/7/2011, giữa bà S và ông H đã lập giấy xác nhận nợ, qua đó ông H đã đồng ý cầm trả nợ cho bà S bằng một

số bất động sản và sau khi đã căn trừ thì số tiền ông H còn nợ bà S là 960.000.000 đồng. Ngoài ra ông H còn thiếu bà S số tiền 77.000.000 đồng về khoản nhận thay bà S tiền cho thuê Căn hộ 15.01 Chung cư Lương Định Của vào năm 2013 mà ông H vẫn không giao lại cho bà S. Như vậy tổng số tiền ông H còn đang thiếu bà S là 1.037.000.000 đồng cho đến nay vẫn chưa thanh toán mặc dù bà S đã nhiều lần nhắc nhở. Ngày 12/7/2019, bà S khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông H phải thanh toán ngay một lần cho bà S số tiền 1.037.000.000 đồng.

Quá trình giải quyết vụ án, Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Lê Văn T trình bày:

Ngày 16/7/2011, bà S và ông H có lập Giấy xác nhận nợ, theo giấy xác nhận nợ thì ông H đồng ý căn trừ cho bà S một số bất động sản để trả khoản nợ mà bà S đã cho ông H vay trước đó. Sau khi căn trừ nợ thì ông H và bà S cùng xác nhận số nợ còn lại của ông H còn nợ bà S là 960.000.000 đồng. Kể từ thời điểm xác nhận nợ đến thời điểm bà S làm đơn khởi kiện ngày 11/7/2019, ông H vẫn chưa trả nợ cho bà S mặc dù bà S đã nhiều lần thông báo và yêu cầu ông H trả nợ. Vào lúc 03 giờ 06 phút ngày 28/12/2018, tại địa chỉ mail của bà S là hoson123@gmail.com, bà S đã gửi vào địa chỉ mail của ông H là bhhung10@gmail.com với nội dung thông báo như sau “*theo biên bản xác nhận nợ lập ngày 12/7/2011, ông H còn nợ tiền mặt của bà S số tiền 960.000.000,00 VNĐ (chín trăm sáu mươi triệu đồng). Nay bằng mail này, bà S yêu cầu ông H trả lời phương án trả nợ này cho bà S và phương thức trả. Nếu ông H không có ý kiến thì vào tháng 1/2019 bà S sẽ nộp đơn đòi nợ lên tòa án tp HỒ CHÍ MINH, mong ông H hợp tác*”. ông H đã nhận được thông báo đòi nợ của bà S và đã phản hồi vào lúc 7 giờ 43 phút ngày 28/12/2018 với nội dung “*Bà hãy tiến hành ngay đi, đừng chờ gì nữa*”; ngày 20/3/2021 bà S tiếp tục gửi email cho ông H và ngày 20/3/2021 ông H trả lời mail của bà S với địa chỉ mail như trên. Nay yêu cầu Tòa án buộc ông H phải có nghĩa vụ trả nợ cho bà Hồ Thị S số tiền còn nợ là 960.000.000 đồng, không yêu cầu ông H trả tiền lãi, trả một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật; bà S không yêu cầu ông H phải trả số tiền 77.000.000 đồng, đề nghị Tòa án đình chỉ giải quyết phần yêu cầu khởi kiện này.

Bản án dân sự sơ thẩm số 3901/2022/DS-ST ngày 30-9-2022 của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức quyết định:

Áp dụng khoản 1 Điều 5, Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 92, khoản 2 Điều 227, Điều 217, Điều 235, Điều 271, khoản 1 Điều 273, Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 166, Điều 688 Bộ luật Dân sự 2015;

Điều 11 của Luật Cư trú;

Luật Thi hành án dân sự sửa đổi bổ sung năm 2014;

Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Hồ Thị S là buộc ông Bạch Hưng H có trách nhiệm trả cho bà Hồ Thị S số tiền là 960.000.000 đồng (Chín trăm sáu mươi triệu đồng) theo Giấy xác nhận nợ ngày 16/7/2011.

Thi hành ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Việc thanh toán tiền do bà Hồ Thị S và ông Bạch Hưng H tự thực hiện hoặc được thực hiện tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà Hồ Thị S về việc yêu cầu ông Bạch Hưng H phải trả cho bà S số tiền thuê nhà nhận thay là 77.000.000 đồng (Bảy mươi bảy triệu đồng).

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Bạch Hưng H được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

- Trả lại cho bà Hồ Thị S số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 21.555.000 đồng (Hai mươi một triệu năm trăm năm mươi lăm ngàn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2017/0016542 ngày 16/7/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 2 (nay là Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức), Thành phố Hồ Chí Minh.

Bản án sơ thẩm còn tuyên về phần kháng cáo, kháng nghị và thủ tục thi hành khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Ngày 04/11/2022, bị đơn ông Bạch Hưng H có đơn kháng cáo: Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 3901/2022/DS-ST ngày 30-9-2022 của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, chuyển hồ sơ cho Tòa án có thẩm quyền đúng theo quy định của pháp luật.

Lý do kháng cáo: Tòa sơ thẩm vi phạm về thẩm quyền xét xử theo lãnh thổ. Việc xem xét chứng cứ không khách quan, toàn diện, chỉ nghe trình bày của một bên là bà S, gây thiệt hại cho quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn. Cụ thể như không xét việc bị đơn đã trả cho bà S số tiền là 3.300 USD tương đương 77.350.000 đồng và còn nhiều giao dịch liên quan đến Giấy xác nhận nợ.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn không rút yêu cầu khởi kiện, bị đơn không rút kháng cáo, các đương sự không thỏa thuận hòa giải được.

Đại diện Viện kiểm sát sau khi phát biểu ý kiến về việc chấp hành pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, phân tích nhận định về nội dung vụ án và kháng cáo của đương sự, đã nhận xét và đề nghị như sau:

- Về tố tụng: Giai đoạn phúc thẩm, Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự được đảm bảo để thực hiện các quyền, nghĩa vụ theo qui định của pháp luật.

- Về nội dung: Tòa án đã thụ lý sơ thẩm vụ án đúng thẩm quyền và giải quyết vụ án đúng pháp luật. Kháng cáo của bị đơn không có cơ sở để chấp nhận. Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, đề nghị phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bị đơn và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Đơn kháng cáo của bị đơn được thực hiện đảm bảo đúng quy định về thời hạn và thủ tục kháng cáo. Sơ thẩm đã đưa đủ và xác định đúng tư cách người tham gia tố tụng; Việc thực hiện tổng đạt các văn bản tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án được thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét kháng cáo của bị đơn về thẩm quyền giải quyết vụ án:

Căn cứ tài liệu chứng cứ thu thập được tại giai đoạn giải quyết sơ thẩm và nhận định tại bản án sơ thẩm, có căn cứ chứng minh: Thời điểm nguyên đơn khởi kiện vụ án là ngày 12/7/2019. Căn cứ kết quả xác minh của Công an phường An Phú, thành phố Thủ Đức xác định ông Bạch Hưng H có đăng ký hộ khẩu thường trú tại số 15.01 Chung cư Lương Định Của, khu phố 1, phường An Phú, thành phố Thủ Đức (cũ là phường An Phú, Quận 2) từ 24/11/2011 đến nay. Thời điểm khởi kiện, bị đơn là ông Bạch Hưng H có hộ khẩu thường trú tại số Căn hộ 5 Chung cư L, khu phố 12, phường A, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ Luật Cư trú, Căn cứ Bộ luật Tố tụng dân sự như bản án sơ thẩm đã nhận định và viện dẫn điều luật cụ thể; Căn cứ Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao, xác định thẩm quyền giải quyết sơ thẩm vụ án thuộc Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức là chính xác.

Theo quy định tại khoản 3 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự: Trong quá trình giải quyết vụ án mà có sự thay đổi về nơi cư trú của đương sự thì cũng không thay đổi về thẩm quyền giải quyết của Tòa án đã thụ lý vụ án theo đúng quy định pháp luật.

Như vậy, thẩm quyền giải quyết vụ án đã được xác định đúng quy định pháp luật, kháng cáo của bị đơn yêu cầu hủy bản án sơ thẩm và chuyển vụ án theo thẩm quyền giải quyết là không có căn cứ chấp nhận.

[3] Xét kháng cáo về giải quyết nội dung tranh chấp tại vụ án:

Căn cứ “Giấy xác nhận nợ” ngày 16/7/2011, ông H và bà S cùng ký xác nhận thời điểm ngày 16/7/2011 ông H còn nợ bà S số tiền là 960.000.000 đồng. Đây là chứng cứ có giá trị chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên được sơ thẩm chấp nhận là có cơ sở, phù hợp pháp luật.

Tại giai đoạn giải quyết sơ thẩm, Tòa án sơ thẩm đã thực hiện cấp, tổng đạt, thông báo các văn bản tố tụng cho đương sự theo đúng quy định tại Chương X của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nhưng bị đơn vắng mặt và không cung cấp tài liệu chứng cứ cũng như không có yêu cầu phản tố.

Đơn kháng cáo và tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn trình bày việc sau khi ký giấy xác nhận nợ thì bị đơn đã trả cho Sơn số tiền là 3.300 USD tương đương 77.350.000 đồng, thể hiện tại email của bà S và nhiều giao dịch liên quan đến Giấy xác nhận nợ.

Nguyên đơn tại Tờ trình ngày 24/3/2023 và tại phiên tòa phúc thẩm trình bày về nội dung Email ngày 02/02/2018 và số tiền 3.300 USD như sau: Tháng 8 năm 2017, do con gái du học tại Mỹ về Việt Nam nên ngày 09/10/2017, ông H chuyển khoản cho bà S số tiền 118.835.000 VNĐ để mua đổi 5000 USD mục đích để con gái mang qua Mỹ cho ông H, cùng với 5.000.000 đồng cho người bác. Do sau đó phát sinh việc con gái không qua Mỹ tiếp tục học nữa nên bà S mới yêu cầu ông H đang ở bên Mỹ lấy lại số tiền đã đóng thuê chỗ ở bên Mỹ của con gái. Đối trừ số tiền thuê nhà được nhận lại với số tiền ông H gửi về, còn lại là 3.300 USD và bà S đã chuyển khoản trả cho ông H vào ngày 29/11/2007 với số tiền tương ứng là 76.000.000 đồng.

Kèm theo trình bày, nguyên đơn cung cấp trích sao chi tiết Sổ phụ tài khoản số 06000394953 của chủ tài khoản Hồ Thị S tại Sacombank, trong đó có chi tiết giao dịch ngày 09/10/2017 nội dung: “BACH HUNG H chuyen tien cho Ho Thi S”, số tiền 118.835.000 đồng và chi tiết giao dịch ngày 29/11/2017 nội dung: “Tra cho bach hung h”, số tiền 76.000.000 đồng.

Xét nghĩa vụ chứng minh và việc giao nộp, đưa ra chứng cứ là quyền, đồng thời là nghĩa vụ của đương sự, được quy định tại Điều 91 và 96 Bộ luật Tố tụng dân sự. Giai đoạn sơ thẩm, bị đơn vắng mặt, không đưa ra chứng cứ, không thực hiện quyền chứng minh là tự từ bỏ quyền của mình.

Số tiền bị đơn kháng cáo và trình bày tại giai đoạn phúc thẩm không được nguyên đơn thống nhất thừa nhận, đồng thời nguyên đơn cho rằng đây là khoản tiền ở một giao dịch khác. Xét thấy, thực tế theo tài liệu hai bên cung cấp, chi tiết giao dịch thể hiện ông H chuyển vào tài khoản của bà S số tiền là 118.835.000 đồng, chứ không phải số tiền “3.300 USD tương đương 77.350.000 đồng”, như trong nội dung kháng cáo của bị đơn. Như vậy, số tiền bị đơn nêu liên quan đến giao dịch khác của hai bên và giữa nguyên đơn với bị đơn còn có các giao dịch khác như hai bên trình bày, chứ không phải chỉ có duy nhất về số tiền có tranh chấp tại vụ án này.

Căn cứ khoản 4 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án sơ thẩm đã giải quyết vụ án theo chứng cứ thu thập được có tại hồ sơ vụ án là phù hợp, có căn cứ và đúng quy định pháp luật.

Đối với số tiền và những vấn đề, nội dung bị đơn trình bày tại giai đoạn phúc thẩm không đủ cơ sở chứng minh được việc chi trả, thanh toán cho số tiền nợ theo Giấy xác nhận nợ ngày 16/7/2011 có tranh chấp tại vụ án, do vậy những

vấn đề, nội dung này bị đơn có thể yêu cầu giải quyết bằng một vụ án khác theo quy định chung của pháp luật về khởi kiện.

[4] Tại giai đoạn phúc thẩm, nguyên đơn cung cấp các văn bản tài liệu để chứng minh và yêu cầu buộc bị đơn trả lại khoản tiền thu hộ từ việc cho thuê nhà. Xét tại giai đoạn sơ thẩm, nguyên đơn đã rút yêu cầu đối với nội dung này nên sơ thẩm đã đình chỉ giải quyết, nội dung này cũng không có kháng cáo hay kháng nghị nên đã có hiệu lực pháp luật, vì vậy phúc thẩm không có thẩm quyền xét giải quyết.

[5] Từ nhận định trên, xét không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị đơn về việc hủy bản án sơ thẩm, như ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tại phiên tòa phúc thẩm.

[6] Bị đơn thuộc trường hợp người cao tuổi có đơn xin miễn án phí nên căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, xét chấp nhận miễn án phí cho bị đơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 166, Điều 688 Bộ luật Dân sự 2015;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn; Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 3901/2022/DS-ST ngày 30-9-2022 của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Hồ Thị S là buộc ông Bạch Hưng H có trách nhiệm trả cho bà Hồ Thị S số tiền là 960.000.000 đồng (Chín trăm sáu mươi triệu đồng) theo Giấy xác nhận nợ ngày 16/7/2011.

Thi hành ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Việc thanh toán tiền do bà Hồ Thị S và ông Bạch Hưng H tự thực hiện hoặc được thực hiện tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà Hồ Thị S về việc yêu cầu ông Bạch Hưng H phải trả cho bà S số tiền thuê nhà nhận thay là 77.000.000 đồng (Bảy mươi bảy triệu đồng).

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Bạch Hưng H được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

- Trả lại cho bà Hồ Thị S số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 21.555.000 đồng (Hai mươi một triệu năm trăm năm mươi lăm ngàn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2017/0016542 ngày 16/7/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 2 (nay là Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức), Thành phố Hồ Chí Minh.

Án phí phúc thẩm: Miễn cho ông Bạch Hưng H.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (đã sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- TAND thành phố Thủ Đức;
- THADS thành phố Thủ Đức;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, văn phòng (T.20).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phạm Hồng Giảng